

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05213

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vi mô 1 (208110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12124487	DAMDINPUREV AMINAA	DH12QL	1		0	8	4,5	4,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12124136	TRẦN LÊ GIA BẢO	DH12QL	1		9	10	8,5	8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	11171123	TRƯƠNG THỊ CƯỜNG	DH11KS	1		10	9	3,5	4,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12363327	ĐẶNG THỊ DUYÊN	CD12CA	1		9	10	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12124150	NGUYỄN THỊ LÊ DUYÊN	DH12QL	1		8	9	6,5	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12363339	ĐOÀN KIỀU GIANG	CD12CA	1		10	10	4,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12120384	HOÀNG THỊ THÚY HẰNG	DH12KT	1		9	9	3,5	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ HẬU	CD12CA	1		7	9	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12116370	HỒ THỊ HIỀN	DH12KS	1		7	9	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	12155127	HỒ THỊ HIỀN	DH12KN	1		6	9	6,5	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12124026	ĐẶNG MINH HIẾU	DH12QD	1		9	10	5,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	12124029	LÊ HẢI HÒA	DH12QD	1		8	9	6,5	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12363329	TRẦN THỊ HUỆ	CD12CA	1		9	10	8,5	8,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	12116371	PHẠM MINH HUY	DH12KS	1		10	9	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12124033	ĐẶNG THỊ THU HUYỀN	DH12QD	1		7	9	7,5	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	12120006	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	DH12KT	1		0	9	8,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	12120390	TRẦN TRÚC HƯƠNG	DH12KM	1		8	9	4,5	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	12116058	NGÔ TRỌNG KHÀI	DH12KS	1		7	9	3,5	4,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 26; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

ThS. Nguyễn Thị Bích Phương

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 2 năm 2014

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 **Giờ thi:** 07g00 - phút **Phòng thi** PV333 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

[illegible]

Số bài: 26; Số tờ: 26

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Md. T. Day

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

ThS. Nguyễn Thị Bích Phương

Cán bộ chấm thi 1&2

Trần Minh Hoàng

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01798

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12120325	HUỖNH THỊ TRÂM ANH	DH12KT			10	10	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12124012	RẦN THỊ MỸ DUYỀN	DH12QL			9	7	5,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11143160	HỒ PHƯỚC ĐẠI	DH11KM			9	7	5,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12120578	TRẦN LỘC ĐỨC	DH12KM			10	1	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12124018	DƯƠNG MINH HẢI	DH12QL			9	0	3,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12124170	LÊ THỊ THANH HẰNG	DH12QL			9	7	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12120188	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỆP	DH12KM			10	7	9,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12120551	HỒ NGUYỄN THANH HUY	DH12KM			10	1	3,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12116182	NGUYỄN TẤN LÂN	DH12KS			9	1	5,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12124210	TỪ THỊ NGỌC LINH	DH12QL			9	10	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10124102	LŨI THẾ LONG	DH10QL			10	10	6,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12120618	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12KM			10	2	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12124219	CHÂU TIẾN LỰC	DH12QD			9	7	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12116007	NGUYỄN THỊ THẢO NGÀ	DH12KS			9	8	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12120195	LÊ THỊ NGUYỄN	DH12KT			10	0	5,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12120518	NGUYỄN MINH NHẬT	DH12KT			✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12124248	HUỖNH TRẦN YẾN NHI	DH12QL			9	7	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12120244	NGÔ THỊ MỸ NHUNG	DH12KT			10	10	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 34; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 2 năm 2014

ThS. Nguyễn Thị Bích Phương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01798

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337

Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (10 %)	Điểm thi (80 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12116186	TRƯƠNG TRẦN NYN	DH12KS		<i>Nyn</i>	9	9	7,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12116024	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	DH12KS		<i>Phuong</i>	9	10	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12116168	BÙI TUYẾT SANG	DH12KS		<i>Bui</i>	9	8	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12116191	NGUYỄN PHÚ SON	DH12KS		<i>Son</i>	9	10	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12124075	NGUYỄN THANH TÂN	DH12QD		<i>Tan</i>	9	4	3,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12120436	TRẦN THỊ THANH NGẪ	DH12KM		<i>Ng</i>	10	5	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12116359	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	DH12KS		<i>Ph</i>	10	1	4,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12116195	NGUYỄN THỊ THẢO	DH12KS		<i>Thao</i>	9	7	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12120200	NGUYỄN THỊ THẨM	DH12KT		<i>Tham</i>	10	10	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12116126	DƯƠNG NGỌC NGH	DH12KS		<i>Ng</i>	9	7	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10143076	TRẦN THỊ THANH THỦY	DH10KM		<i>Thuy</i>	9	5	4,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09363213	LÂM THỊ MINH GI	CD09CA		<i>Minh</i>	10	4	2,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12116142	ĐỖ THỊ NGỌC TRÂM	DH12KS		<i>Tram</i>	10	0	4,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12116230	PHẠM HIẾU B	DH12KS		<i>B</i>	9	7	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12122260	NGUYỄN THỊ SON SF	DH12QT		<i>SF</i>	9	0	6,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12116384	MANG ĐỨC P	DH12KS		<i>P</i>	9	1	6,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12116158	NGUYỄN THỊ YẾN	DH12KS		<i>Y</i>	9	7	5,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 34; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 20 tháng 2 năm 2014

ThS. Nguyễn Thị Bích Phương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01793

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1 (208110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 20/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335

Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12123162	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	DH12KE		<i>nhung</i>	8	9	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12124252	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	DH12QD		<i>Phan</i>	9	9	10	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC NỮ	DH11QT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10124149	LÊ VĂN PHÚ	DH10QL		<i>Phu</i>	3	9	3,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12116100	HUỖNH THANH PHƯƠNG	DH12KS		<i>huong</i>	6	9	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11143086	TRƯƠNG THỊ LIÊN PHƯƠNG	DH11KM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	07223085	PHẠM NGỌC QUANG	TC07KETD		<i>Quang</i>	0	0	3,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12120522	LÊ THỊ KIM QUÝ	DH12KT		<i>Quy</i>	10	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12120429	TRẦN THỊ HỒNG RIÊNG	DH12KM		<i>Hong</i>	9	9	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12124072	NGUYỄN XUÂN SƯƠNG	DH12QL		<i>Xuan</i>	6	10	4,5	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10124169	PHAN THANH TÂM	DH10QL		<i>Tam</i>	4	9	3,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12124292	PHAN DUY THÁI	DH12QD		<i>Du</i>	7	9	1,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12116127	TRẦN VĂN THẾ	DH12KS		<i>Phu</i>	6	9	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11143171	NGUYỄN HUỖNH THI	DH11KM							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	CD12CA		<i>Thu</i>	9	10	3,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12120523	NGUYỄN THỊ THÚY	DH12KT		<i>Thuy</i>	10	10	7,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12155122	HUỖNH ANH THƯ	DH12KN		<i>Thu</i>	5	9	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH THƯ	DH10TB		<i>Bhu</i>	9	10	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....2.1.....; Số tờ:.....2.1.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Đình Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

ThS. Nguyễn Thị Bích Phương

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Minh Hoàng

Ngày 20 tháng 2 năm 2014

